

KIẾN NGHỊ QUAN ĐIỂM GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG TRONG CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

PGS, TS HOÀNG THỊ LAN,
PGS, TS NGUYỄN PHÚ LỢI
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Ngày nhận bài: 5/1/2026; Ngày phản biện: 5/1/2026; Ngày duyệt đăng: 10/1/2026.

● **Tóm tắt:** *Thực tiễn Việt Nam cho thấy, từ thời kỳ đổi mới, đời sống tôn giáo, tín ngưỡng trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã có những biến đổi sâu sắc theo hướng ngày càng đa dạng, số lượng tín đồ tôn giáo tăng nhanh, xuất hiện các cộng đồng tôn giáo - tộc người mới cùng nhiều hiện tượng tôn giáo mới. Trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và thực tiễn thế giới, bài viết làm rõ mối quan hệ phức tạp, tác động hai chiều giữa dân tộc và tôn giáo; phân tích toàn diện vấn đề tôn giáo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Việt Nam; đồng thời, chỉ ra những hạn chế, bất cập trong thực thi chính sách tôn giáo ở cơ sở. Từ đó, bài viết đưa ra một số kiến nghị về quan điểm giải quyết vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng nhằm phát triển bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Việt Nam.*

● **Từ khóa:** *Tôn giáo; Tín ngưỡng; Dân tộc thiểu số; Việt Nam.*



Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tôn giáo là sản phẩm của con người, ra đời, phát triển và biến đổi dựa trên những điều kiện hiện thực khách quan của dân tộc¹. Tôn giáo và dân tộc có mối quan hệ gắn bó, tác động hữu cơ và chi phối lẫn nhau. Quan hệ giữa dân tộc - tôn giáo có thể diễn ra trong nội bộ một tộc người, giữa các tộc người trong một quốc gia/dân tộc và giữa các quốc gia. Mối quan hệ này rất phức tạp, có thể thúc đẩy hoặc kìm hãm

sự phát triển của tộc người, của quốc gia/dân tộc. Tôn giáo có thể là “bình phong” cho những xung đột lợi ích chính trị giữa các quốc gia và lợi ích giữa các tộc người².

Vấn đề dân tộc, tôn giáo và xung đột dân tộc, tôn giáo đã và đang diễn ra ở nhiều nơi trên thế giới từ trong lịch sử cũng như hiện tại³, gây ra những bất ổn về chính trị tại nhiều quốc gia, khu vực⁴. Thực tiễn cho thấy, vấn đề dân tộc, tôn giáo có liên quan mật thiết đến sự ổn định và phát triển

của mỗi quốc gia, đặt ra yêu cầu đối với các nhà nước trong việc xây dựng và thực thi những phương thức giải quyết phù hợp, hiệu quả các vấn đề liên quan đến dân tộc/tộc người, tôn giáo nhằm đảm bảo sự ổn định và phát triển của đất nước.

1. Việt Nam là quốc gia đa dân tộc, đa tôn giáo. Tính đến ngày 1/7/2024, dân số Việt Nam đạt 101,1 triệu người, trong đó người Kinh là 86,3 triệu người (chiếm 85,4% tổng dân số cả nước); 53 dân tộc thiểu số có 14,8 triệu người (chiếm 14,6% tổng dân số cả nước). Hiện nay, Việt Nam có 40 tổ chức, pháp môn tu hành đã được Nhà nước công nhận và cấp đăng ký hoạt động, thuộc 16 tôn giáo, với 27.382.846 tín đồ, 66.365 chức sắc, 120.475 chức việc và 30.374 cơ sở thờ tự (Bộ Dân tộc và Tôn giáo, 2025, 3).

Ở Việt Nam, trong lịch sử đã hình thành một số cộng đồng tộc người - tôn giáo gắn bó chặt chẽ như người Khmer với Phật giáo Nam tông; người Chăm với Bà La Môn giáo và Hồi giáo. Từ khi tiến hành công cuộc đổi mới (năm 1986) đến nay, sự phát triển của tôn giáo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Việt Nam đã làm gia tăng xu hướng chuyển đổi niềm tin (từ niềm tin tín ngưỡng đa thần sang theo tôn giáo) dẫn đến có thêm nhiều dân tộc thiểu số theo tôn giáo, và số lượng tín đồ các tôn giáo là người dân tộc thiểu số tăng nhanh trong những thập niên gần đây.

Tính đến ngày 1/7/2024, ở Việt Nam có 41/53 dân tộc thiểu số theo các tôn giáo khác nhau, số lượng tín đồ là người dân tộc thiểu số thuộc 16 tôn giáo được Nhà nước công nhận là 2.523.231 người. Các dân tộc thiểu số có tỷ lệ dân số theo tôn giáo đông gồm: Hoa, Chăm, Khmer, Mông, Dao, Jrai, Êđê, Bahnar, Xơ Đăng, Coho, Mnông, Raglai, Xtiêng, Mạ, Choro (Bộ Dân tộc và Tôn giáo - Cục Thống kê, 2025). Bên cạnh hai dân tộc thiểu số có truyền thống gắn bó với tôn giáo (người Khmer, người Chăm), thời gian qua đã có

thêm các cộng đồng tôn giáo - tộc người mới ở vùng miền núi phía Bắc⁵ và Tây Nguyên⁶. Ngoài ra, còn xuất hiện nhiều hiện tượng tôn giáo mới trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại hai khu vực này⁷.

Sự đa dạng về tôn giáo, tín ngưỡng trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số vừa có mặt tích cực, vừa có những tác động tiêu cực đến đời sống xã hội. Mặt tích cực là tôn giáo đem lại chỗ dựa tinh thần, góp phần giáo dục, hình thành đạo đức, lối sống mới cho đồng bào các dân tộc thiểu số; xóa bỏ những hủ tục, tập quán lạc hậu trong cưới hỏi, tang ma; xóa bỏ mê tín dị đoan; làm thay đổi các mối quan hệ trong gia đình theo hướng bình đẳng, tiến bộ, thay đổi quan hệ xã hội theo hướng rộng mở hơn... Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng có không ít mặt tiêu cực và những vấn đề đặt ra đối với công tác dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước. Trong một số trường hợp, việc tiếp nhận tôn giáo mới, cải đạo, chuyển đạo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã làm phai nhạt, đứt gãy giá trị văn hóa truyền thống, suy giảm bản sắc văn hóa tộc người và hình thành những mối quan hệ tộc người - tôn giáo xuyên quốc gia, liên khu vực rất phức tạp⁸. Sự xuất hiện của các hiện tượng tôn giáo mới, trong đó có những nhóm cực đoan cũng gây ảnh hưởng xấu đến văn hóa, đạo đức truyền thống của các dân tộc thiểu số... Những vấn đề đó đang đặt ra không ít thách thức trong công tác đảm bảo an ninh chính trị vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đặc biệt, khi vấn đề tộc người, tôn giáo cùng với vấn đề dân chủ và nhân quyền ở các khu vực miền núi phía Bắc⁹, Tây Nguyên¹⁰, Tây Nam Bộ¹¹ và Nam Trung Bộ¹² đang bị các thế lực thù địch lợi dụng nhằm thực hiện các mưu toan chính trị từ bên ngoài đất nước.

Về phía hệ thống chính trị, trong thời kỳ đổi mới, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam đối với tín ngưỡng, tôn giáo đã

có bước đổi mới căn bản cả về nhận thức lý luận lẫn thực tiễn quản lý, thể hiện ngày càng rõ quan điểm tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Nhân dân, đồng thời khẳng định vai trò tích cực của các tôn giáo trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Từ chỗ nhìn nhận tôn giáo chủ yếu như một hiện tượng cần quản lý chặt chẽ, chính sách tôn giáo thời kỳ đổi mới đã chuyển sang cách tiếp cận toàn diện, nhân văn và pháp quyền hơn, coi tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận Nhân dân, còn tồn tại lâu dài và đồng hành cùng dân tộc. Cùng với đó, hệ thống văn bản chính sách, pháp luật về tôn giáo, tín ngưỡng ngày càng được hoàn thiện, đặc biệt là Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (năm 2016) và các văn bản hướng dẫn thi hành đã tạo khuôn khổ pháp lý tương đối đồng bộ, minh bạch cho hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo, góp phần ổn định đời sống xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực, việc tổ chức thực hiện chính sách tôn giáo, tín ngưỡng ở một số nơi còn chưa đồng đều, nhận thức và năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ cơ sở còn hạn chế, đặc biệt ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Thời gian qua, việc đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, quyền chuyển đổi niềm tin tôn giáo, tín ngưỡng của đồng bào dân tộc thiểu số ở một số nơi chưa được quán triệt thực hiện một cách nghiêm túc. Vẫn còn tình trạng chính sách, pháp luật được ban hành nhưng chính quyền ở một số địa phương chậm hoặc không thực thi, hoặc thực thi lấy lệ, hình thức, nhất là trong việc cấp đăng ký điểm nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung¹³, đăng ký hoạt động tôn giáo. Vấn đề đất đai, cơ sở thờ tự cho sinh hoạt tôn giáo của một số cộng đồng đức tin chưa được quan tâm đảm bảo đầy đủ¹⁴ gây nên những bức xúc cho đồng bào dân tộc thiểu số, tạo cơ hội để các thế

lực chính trị phản động lợi dụng chống phá Đảng, Nhà nước.

Bên cạnh đó, sự xuất hiện đa dạng của các hiện tượng tôn giáo mới trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số thời gian qua là một thực tế khách quan, xuất phát từ nhu cầu của đồng bào. Không thể phủ nhận rằng, một số hiện tượng tôn giáo mới đã và đang tác động tiêu cực đến đời sống xã hội, song cũng cần nhìn nhận khách quan rằng, có những hiện tượng tôn giáo mới, ở mức độ nhất định, đã góp phần đáp ứng nhu cầu tinh thần, tâm linh của một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số, đồng thời hỗ trợ việc bảo lưu, giữ gìn văn hóa truyền thống của dân tộc. Tuy nhiên, nhiều cấp ủy, chính quyền địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn lúng túng trong việc giải quyết vấn đề hiện tượng tôn giáo mới. Thay vì sát sao quản lý, hướng dẫn để các hiện tượng tôn giáo mới sinh hoạt tuân thủ đúng pháp luật thì hầu hết chính quyền các địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số đều không muốn thừa nhận sự hiện diện của các hiện tượng này nên chủ yếu đã dùng các biện pháp hành chính để ngăn chặn, đẩy đuổi. Thực tế này dẫn đến tình trạng các hiện tượng tôn giáo mới do bị ngăn chặn ở địa phương này thì tìm cách phát triển ở địa phương khác, gây nhiều khó khăn cho công tác quản lý nhà nước. Một số hiện tượng ban đầu thuần túy chỉ là sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo nhưng sau một thời gian không được chính quyền quan tâm, hướng dẫn hoặc bị ngăn chặn, xua đuổi đã bị các thế lực phản động lôi kéo, lợi dụng nhằm mục đích chống phá đất nước (hiện tượng Dương Văn Minh, Hà Môn là những ví dụ điển hình). Có thể thấy, việc né tránh không giải quyết hoặc chậm cấp đăng ký cho các điểm nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung cũng như cách ứng xử của các cấp chính quyền ở một số địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số với các

hiện tượng tôn giáo mới thời gian qua là cái có để Mỹ và một số quốc gia phương Tây, một số định chế quốc tế cáo buộc Việt Nam vi phạm nhân quyền và tự do tôn giáo¹⁵.

Do đó, hiện nay, việc giải quyết vấn đề tôn giáo ở một số vùng dân tộc thiểu số có vị trí trọng yếu về quốc phòng, an ninh của Việt Nam không thể tách rời với việc giải quyết các vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng. Phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số cần được gắn chặt với đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; đồng thời, phải kiên quyết đấu tranh chống mọi hành vi lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo vì mục đích chính trị, phát huy các giá trị và nguồn lực tích cực của tôn giáo, tín ngưỡng nhằm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Từ những thực tiễn nêu trên, việc tiếp tục hoàn thiện và triển khai hiệu quả công tác dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong thời gian tới là yêu cầu thực sự cần thiết. Trên cơ sở đó, đề xuất một số kiến nghị về quan điểm giải quyết vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng nhằm góp phần định hướng phát triển bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Việt Nam.

Một là, quan điểm: “Phát triển bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số gắn với đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, đảm bảo an ninh, quốc phòng và đấu tranh chống lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo”.

Như trên đã đề cập, hiện nay, tại nhiều vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đời sống tôn giáo, tín ngưỡng của người dân ngày càng đa dạng, trong khi đó vấn đề dân tộc và tôn giáo luôn chịu sự tác động bởi các yếu tố chính trị tiêu cực từ bên ngoài. Do đó, nếu phát triển kinh tế - xã hội không gắn với bảo đảm thực chất quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của đồng bào các dân tộc thiểu

số thì khó tạo được sự đồng thuận và huy động hiệu quả các nguồn lực xã hội trong cộng đồng. Ngược lại, nếu tách rời yêu cầu phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số với nhiệm vụ giữ vững an ninh, quốc phòng và đấu tranh chống lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo thì dễ phát sinh các yếu tố gây mất ổn định, tạo kẽ hở để các thế lực thù địch lợi dụng, đặc biệt là tại các khu vực biên giới, vùng sâu, vùng xa. Việc khẳng định rõ quan điểm này có ý nghĩa quan trọng góp phần hoàn thiện tư duy chiến lược của Đảng về phát triển bền vững gắn với bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; đồng thời, tạo cơ sở chính trị cho việc xây dựng và triển khai đồng bộ các chính sách, vừa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các dân tộc thiểu số, vừa bảo đảm thực chất quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, tăng cường “thế trận lòng dân”, giữ vững ổn định chính trị, an ninh, quốc phòng ở các khu vực phen dậu của đất nước trong giai đoạn phát triển mới.

Hai là, quan điểm: “Chủ động, quan tâm, tạo điều kiện giúp đỡ nhu cầu hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng chân chính của đồng bào dân tộc thiểu số gắn với phát huy nguồn lực tôn giáo, tín ngưỡng phục vụ cho quá trình phát triển bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số”.

Có thể thấy, tôn giáo, tín ngưỡng đã trở thành nhu cầu tinh thần của một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số, một thực thể sống động trong đời sống xã hội ở các địa bàn này, do đó đòi hỏi phải được quan tâm đúng mức. Việc khẳng định rõ tính “chủ động” trong quan điểm này có ý nghĩa quan trọng, thể hiện sự chuyển dịch từ tư duy quản lý thụ động sang cách tiếp cận tích cực, đồng hành và hỗ trợ, qua đó tạo môi trường thuận lợi để các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo chân chính của đồng bào dân tộc thiểu số được thực hiện đúng pháp luật, đồng thời phát huy các giá trị văn

hóa, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo, tín ngưỡng trong xây dựng đời sống xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Quan điểm này cũng góp phần phân biệt rõ giữa nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo chính đáng của đồng bào với các hành vi lợi dụng tôn giáo để trục lợi hoặc chống phá đất nước, từ đó nâng cao hiệu quả công tác dân tộc, tôn giáo, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và giữ vững ổn định chính trị - xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Ba là, quan điểm: “Đẩy mạnh cuộc vận động xóa bỏ các hủ tục, tập quán lạc hậu, phát huy giá trị văn hóa tín ngưỡng truyền thống, xây dựng nếp sống văn minh trong đời sống tín ngưỡng, tôn giáo vùng đồng bào dân tộc thiểu số”.

Thời gian qua, mặc dù có hiện tượng một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số từ bỏ tín ngưỡng truyền thống để theo các tôn giáo, song số lượng tín đồ các tôn giáo hiện nay chủ yếu vẫn chỉ tập trung ở hai dân tộc có truyền thống tôn giáo lâu đời là người Khmer và người Chăm. Đối với một số dân tộc thiểu số mới theo tôn giáo trong những năm gần đây, dù có tỷ lệ dân số theo tôn giáo tương đối cao, như người Chu ru, Coho, Mạ, Xtiêng, Choro, Mnông, Bahna, Xơ Đăng, Êđê và Jrai, nhưng nhìn chung quy mô dân số của các dân tộc này không lớn. Vì vậy, sinh hoạt tín ngưỡng truyền thống vẫn giữ vị trí trung tâm trong đời sống tâm linh của đồng bào các dân tộc thiểu số.

Trong thời kỳ đổi mới, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc, phát huy vai trò của tín ngưỡng, tôn giáo, trong đó có tín ngưỡng của vùng đồng bào dân tộc thiểu số, như: Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 16/7/1998 của Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị Trung ương 5 (khóa VIII) về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; Nghị quyết số 33-NQ/TW

ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị Trung ương 9 (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 10/1/2018 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác tôn giáo trong tình hình mới; Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng... Cùng với việc bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, vận động xóa bỏ hủ tục, tập quán lạc hậu, việc phát huy giá trị văn hóa của tín ngưỡng, lễ hội truyền thống đã được các địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số quan tâm thực hiện¹⁶, qua đó góp phần duy trì và phát huy bản sắc văn hóa tộc người trong đa dạng văn hóa Việt Nam. Tuy nhiên, công tác vận động xóa bỏ hủ tục, tập quán lạc hậu, mê tín dị đoan trong sinh hoạt tín ngưỡng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn mang tính nhỏ lẻ, chủ yếu là do chưa có sự vào cuộc đồng bộ của các cấp ủy, chính quyền địa phương. Vì vậy, việc đưa ra quan điểm nêu trên là cần thiết nhằm tạo sự thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy đảng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Việc xóa bỏ các hủ tục, tập quán lạc hậu không chỉ góp phần nâng cao chất lượng đời sống vật chất, tinh thần, bảo vệ sức khỏe, nhân phẩm và quyền con người, mà còn tạo điều kiện để các cộng đồng dân tộc thiểu số tiếp cận tốt hơn với giáo dục, y tế và các tiến bộ xã hội. Đồng thời, việc phát huy các giá trị văn hóa tín ngưỡng truyền thống là phương thức quan trọng để bảo tồn bản sắc dân tộc, củng cố sự gắn kết cộng đồng và nuôi dưỡng những giá trị đạo đức, nhân văn phù hợp với đời sống hiện đại, qua đó góp phần tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Có thể khẳng định rằng, việc giải quyết hiệu quả vấn đề tôn giáo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu

số vừa mang ý nghĩa chiến lược lâu dài, vừa có tính cấp thiết trong bối cảnh hiện nay. Điều này đòi hỏi sự kết hợp đồng bộ giữa việc bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của đồng bào với việc tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước bằng pháp luật; giữa phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần với việc củng cố niềm tin của đồng bào đối với Đảng, Nhà nước. Do đó,

cần sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của Đảng nhằm phát huy vai trò của hệ thống chính trị trong triển khai đồng bộ, toàn diện các giải pháp phù hợp với đặc thù dân tộc và tôn giáo của từng khu vực, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội, thúc đẩy phát triển bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số và đóng góp thiết thực vào sự phát triển chung của đất nước ■

¹ C.Mác viết: “Nếu như cùng với sự hủy diệt của các quốc gia cổ đại, tôn giáo của họ cũng biến đi, thì sự kiện này không cần phải có những lời giải thích đặc biệt [...] Không phải là sự diệt vong của các tôn giáo cổ đã kéo theo sau nó sự diệt vong của các quốc gia cổ xưa, mà ngược lại, sự diệt vong của các quốc gia cổ xưa kéo theo sau nó sự diệt vong của các tôn giáo cổ” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 2002a, 147). Ph.Ăngghen trong tác phẩm *Chống Duy linh* đã viết: “Trong những thời kỳ đầu của lịch sử, chính những lực lượng thiên nhiên là những cái trước tiên được phản ánh như thế, và trong quá trình phát triển hơn nữa thì ở những dân tộc khác nhau, những lực lượng thiên nhiên ấy đã được nhân cách hóa một cách hết sức nhiều vẻ và hết sức hỗn tạp” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 2002c, 437).

² Trong tác phẩm *Tuyên chiến - Bàn về lịch sử phát sinh vấn đề phương Đông, khi đề cập đến xung đột dân tộc, tôn giáo*, C.Mác viết: “Xung quanh mộ thánh, chúng ta thấy sự hội tụ vô số các giáo phái Cơ Đốc giáo, đằng sau những tranh chấp tôn giáo của họ cũng ẩn giấu một số lượng nhiều như vậy những cuộc tranh chấp chính trị và dân tộc [...] Bây giờ thì mọi người đều rõ, tại sao lễ cầu nguyện chung của tín đồ Cơ Đốc ở đất thánh lại biến thành “những cuộc ẩu đả kiểu Ai-rơ-len”, mang tính chất tuyệt vọng, không bao giờ kết thúc giữa các nhóm tín đồ khác nhau; nhưng, mặt khác, những cuộc ẩu đả thần thánh ấy chỉ được dùng làm bình phong cho một cuộc chiến tranh không những giữa các quốc gia mà còn giữa các dân tộc” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 2002b, 190-193).

³ Các cuộc thập tự chinh đẫm máu kéo dài hơn hai thế kỷ (XII-XIII) giữa Giáo hội Công giáo La Mã và các thế lực phong kiến châu Âu với Hồi giáo; các cuộc chiến tranh giữa Công giáo và đạo Tin Lành (thực chất là các cuộc xung đột lợi ích giữa giai cấp tư sản đang lên với các thế lực phong kiến ở châu Âu thế kỷ XVI-XVII); những xung đột sắc tộc, tôn giáo dai dẳng tại khu vực Trung Đông, Bắc Phi ngày nay với những can thiệp quân sự từ bên ngoài khu vực phản ánh xung đột lợi ích của các thế lực chính trị, các dân tộc khác nhau.

⁴ Xung đột tộc người, tôn giáo tại Trung Quốc diễn ra ở khu vực Tân Cương (liên quan đến người dân tộc thiểu số theo Hồi giáo), ở Tây Tạng (liên quan đến người dân tộc thiểu số theo Phật giáo); xung đột giữa cộng đồng dân tộc đa số theo Phật giáo với cộng đồng thiểu số theo Hồi giáo ở Myanmar; xung đột tộc người, tôn giáo tại Thái Lan, Philippines (giữa những người theo Công giáo với người theo Hồi giáo), tại Indonesia (giữa người theo Hồi giáo với người theo Kitô giáo); xung đột tôn giáo gắn với các tộc người tại Nigeria, Sudan... (Nguyễn Phú Lợi, 2022, 141-155).

⁵ Một bộ phận người Mông theo đạo Tin Lành và Công giáo; một bộ phận người Mường, Tày, Nùng, Thái theo Công giáo (Bộ Dân tộc và Tôn giáo - Cục Thông kê, 2025).

⁶ Một bộ phận người Mạ, Cồho, Bahnar, Mnông, Xơ Đăng, Jrai, Xtiêng theo Công giáo; một bộ phận người Cồho, Mnông, Êđê, Jrai, Choro và Bahnar theo đạo Tin Lành (Bộ Dân tộc và Tôn giáo - Cục Thông kê, 2025).

⁷ Ở khu vực miền núi phía Bắc là các hiện tượng như: Vàng Chứ, Thìn Hùng, Dương Văn Minh, San Su Khê tọ, Sê Chu Ha Ly Cha (Xê A), Bà Cô Dợ, Giê Sùa, Lutheran Việt Nam - Hoa Kỳ... trong cộng đồng người Mông, người Dao, người La Hủ; Phạ Tộc trong người Thái... Ở khu vực Tây Nguyên là Hà Mòn, Canh Tân Đặc Sùng, Nhóm Trừ quý Bảo Lộc, Sứ điệp từ Trời (liên quan đến Công giáo); Ami

Sara, Pơ Khấp Brâu, Cây Thập giá Chúa Jesus Christ (liên quan đến đạo Tin Lành).

⁸Người Mông theo đạo Tin Lành ở khu vực miền núi phía Bắc có mối liên hệ với người Mông theo đạo Tin Lành ở khu vực Tây Nguyên và ở các quốc gia khác như Lào, Trung Quốc, Thái Lan, Mỹ. Một số dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên theo Công giáo và đạo Tin Lành có mối quan hệ với đồng tộc ở Campuchia. Người Chăm theo Hồi giáo có mối quan hệ với đồng tộc ở Campuchia, Malaysia, Indonesia và mối quan hệ với cộng đồng Hồi giáo quốc tế; người Khmer ở khu vực Tây Nam Bộ có mối quan hệ đồng tộc, đồng tôn với người Khmer ở Campuchia.

⁹Người Mông theo đạo Tin Lành và một số hiện tượng tôn giáo mới bị các đối tượng xấu lợi dụng nhằm thúc đẩy chủ nghĩa ly khai, âm mưu thành lập “Nhà nước Mông”. Điều này thể hiện qua một số vụ việc như: Vụ gây rối trật tự ở bản Huồi Khon, xã Nậm Kè, Điện Biên năm 2011; vụ việc ở xã Tà Tổng, tỉnh Lai Châu cuối năm 2019, đầu năm 2020; và việc lợi dụng một số hiện tượng tôn giáo mới như: “Con đường mới” (Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu), “Giê Sùa” (tỉnh Điện Biên, Lai Châu) để lôi kéo người Mông nhằm tập hợp lực lượng phục vụ cho các hoạt động liên quan đến âm mưu thành lập “Nhà nước Mông”.

¹⁰Các thế lực FULRO, có sự tiếp tay từ bên ngoài đất nước, đã kích động người dân theo đạo Tin Lành gây ra các vụ bạo loạn chính trị nhằm lật đổ chính quyền, âm mưu thành lập nhà nước “Đề Ga tự trị” thông qua các vụ bạo loạn năm 2001, 2004; vụ tấn công 2 trụ sở ủy ban nhân dân xã tại tỉnh Đắk Lắk năm 2023; cùng nhiều vụ việc phức tạp liên quan đến vấn đề tôn giáo, dân tộc kéo dài nhiều năm ở Tây Nguyên; lợi dụng một số hiện tượng tôn giáo mới như “Hà Môn”, “Pơ Khấp Brâu” để truyền bá mê tín dị đoan và hoạt động chính trị, gây phức tạp tình hình an ninh, trật tự xã hội ở một số địa phương.

¹¹Nhiều tổ chức phản động của người Khmer ở bên ngoài đất nước như: “Hội Ái hữu Khmer Campuchia Krôm” (AKKK), “Hội Bảo vệ nhân quyền Khmer Campuchia Krôm” (KKKHRA), “Hội Sư sãi Khmer Campuchia Krôm”, “Liên hiệp Ủy ban chủ nghĩa dân tộc” (KKK), “Mặt trận Giải phóng dân tộc Campuchia Krôm” (KKNLF), “Ủy ban Dung hòa Khmer Campuchia Krôm” (KKKCC), “Ủy ban Điều phối Khmer Campuchia Krôm” (KKKCC), “Liên minh Khmer Campuchia Krôm” (KKF)... ráo riết đẩy mạnh hoạt động, kích động, lôi kéo sư tăng ra nước ngoài học tập; kích động sư tăng ly khai khỏi Giáo hội Phật giáo Việt Nam; kích động, lôi kéo người Khmer ly khai, tự trị.

¹²Người Chăm với vấn đề Hồi giáo (Bà ni, Islam) và Bà La Môn giáo là đối tượng các thế lực thù địch nhắm đến trong chiến lược phục “Vương quốc Chăm Pa tự trị”.

¹³Chỉ tính riêng đạo Tin Lành đã có trên 5.500 điểm nhóm, chủ yếu ở Tây Nguyên và các tỉnh miền núi phía Bắc, nhưng mới có 3.391 điểm nhóm (chiếm 61,65%) được đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung (Ban Tôn giáo Chính phủ, 2022, 24+97).

¹⁴Một số địa phương ở Tây Nguyên, Nam Trung Bộ, miền núi phía Bắc chưa giải quyết vấn đề đất đai xây dựng cơ sở thờ tự cho các tôn giáo, nhất là đối với đạo Tin Lành do thiếu quy hoạch.

¹⁵Xem Báo cáo năm 2023 về tự do tôn giáo quốc tế của Bộ Ngoại giao Mỹ (US Department of State, n.d.); Báo cáo của Bộ Ngoại giao và Thương mại Australia (DFAT, 2025); Báo cáo thường niên của Ủy ban Tự do tôn giáo quốc tế Mỹ (USCIRF, n.d.).

¹⁶Tính đến năm 2023, trên phạm vi cả nước có 123 lễ hội, nghi lễ tín ngưỡng của các dân tộc thiểu số được công nhận là Di sản Văn hóa phi vật thể cấp quốc gia (chiếm 39,30% trong tổng số 313 lễ hội, nghi lễ tín ngưỡng của cả nước), trong đó các nghi lễ, lễ hội như: Thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái ở Tây Bắc được công nhận là Di sản Văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại (Cục Di sản văn hóa, n.d.).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Tôn giáo Chính phủ (2022), *Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
2. Bộ Dân tộc và Tôn giáo & Cục Thống kê (2025), *Kết quả điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2024*, <http://www.cema.gov.vn/thong-bao/ket-qua-dieu-tra-thu-thap-thong-tin-ve-thuc-trang-kinh-te-xa-hoi-cua-53-dan-toc-thieu-so-nam-2024.htm>
3. Bộ Dân tộc và Tôn giáo (2025), *Báo cáo số 2357-BC/BDTTG tổng kết việc thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo*, ngày 3/12/2025.
4. C.Mác và Ph.Ăngghen (2002a), *Toàn tập*, t.1, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

5. C.Mác và Ph.Ăngghen (2002b), *Toàn tập*, t.10, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
6. C.Mác và Ph.Ăngghen (2002c), *Toàn tập*, t.20, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
7. Cục Di sản văn hóa (n.d.), *Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia*, <https://dsvh.gov.vn/danh-muc-di-san-van-hoa-phi-vat-the-quoc-gia-1789>
8. DFAT (2025), *DFAT Country Information Report Vietnam*, <https://www.dfat.gov.au/sites/default/files/country-information-report-vietnam.pdf>
9. Hoàng Thị Lan (2021), *Đời sống tôn giáo, tín ngưỡng vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
10. Nguyễn Phú Lợi (2022), *Sự chuyển biến của tôn giáo Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và cuộc cách mạng 4.0*, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
11. Nguyễn Thanh Xuân & Nguyễn Quỳnh Trâm (2024), *Tôn giáo vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
12. Nguyễn Thanh Xuân & Hoàng Thị Lan (2024), *Quan hệ giữa dân tộc thiểu số với tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
13. US Department of State (n.d.), *2023 Report on International Religious Freedom: Vietnam*, from <https://www.state.gov/reports/2023-report-on-international-religious-freedom/vietnam/>
14. USCIRF (n.d.), *Vietnam's religious freedom*, <https://www.uscirf.gov/countries/vietnam>



GIỚI THIỆU SÁCH

PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT MỚI ĐỂ ĐỘT PHÁ TRONG KỶ NGUYÊN SỐ

TÁC GIẢ: PGS, TS VŨ THANH SƠN

Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật

Năm xuất bản: 2025

Số trang: 368

Trong lịch sử phát triển của xã hội loài người, lực lượng sản xuất luôn giữ vai trò quyết định, là yếu tố trực tiếp, đóng vai trò hạt nhân làm biến đổi phương thức sản xuất, từ đó thúc đẩy sự thay đổi của toàn bộ cấu trúc kinh tế - xã hội. Bước vào kỷ nguyên số, nhân loại chứng kiến sự chuyển mình chưa từng có khi những thành tựu đột phá của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang định hình một diện mạo mới của lực lượng sản xuất, vượt xa khỏi khuôn khổ truyền thống dựa trên máy móc cơ khí, sức lao động thủ công và nguồn tài nguyên thiên nhiên hữu hạn. Việc phát triển lực lượng sản xuất mới không chỉ là một nhu cầu kinh tế - kỹ thuật, mà còn là một đòi hỏi cấp thiết về tư duy chiến lược và năng lực quản trị, điều hành cấp quốc gia.

Trong cuốn sách này, trên cơ sở tiếp cận các lý thuyết về lực lượng sản xuất, tác giả đã phân tích các yếu tố tác động và chủ thể thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất mới, nghiên cứu thực chứng điển hình về sự phát triển của lực lượng sản xuất mới; từ đó, đề xuất mục tiêu và giải pháp phát triển lực lượng sản xuất mới ở Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 ■

TRANG NHUNG giới thiệu